

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LL&PPDH TIẾNG ANH
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

MÃ SỐ NGÀNH: 8140111

*(Ban thành theo Quyết định Số 1738/QĐ-ĐHV, ngày 18/07/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Nghệ An, 2022

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	4
1.1 Trường Đại học Vinh	4
1.2 Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ.....	5
1.3 Ngành LL&PDH bộ môn Tiếng Anh.....	7
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	9
2.1 Thông tin chung	9
2.2 Mục tiêu chương trình đào tạo	9
2.3 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	10
2.4 Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp	10
2.5 Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	11
2.6 Các dịch vụ hỗ trợ người học	11
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	12
3.1 Tổng quan về CTDH.....	12
3.2 Chuẩn đầu ra CTĐT	12
3.3 Khung chương trình dạy học.....	14
3.4 Bảng phân nhiệm CDR CTĐT cho các học phần	16
3.5 Phương pháp giảng dạy và học tập.....	17
3.6 Phương pháp kiểm tra đánh giá.....	17
3.7 Mô tả tóm tắt các học phần trong CTDH.....	17
PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ	22
4.1 Đội ngũ giảng viên	22
4.2 Nhân viên hỗ trợ.....	23
PHẦN 5. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	24
5.1 Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng.....	24
5.2 Hệ thống thư viện.....	24
5.3 Hệ thống công nghệ thông tin	25
5.4 Trạm y tế	25
PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	26
6.1 Quy định về việc nghỉ học tạm thời, thôi học	26
6.2 Quy định về chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo	26
6.3 Quy định về xử lý vi phạm đối với học viên.....	26
6.4 Quy định chấm điểm luận văn thạc sĩ	27
PHỤ LỤC 1	29
PHỤ LỤC 2	31
PHỤ LỤC 3	33

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTDH	Chương trình dạy học
PG	Program Goal
PLO	Program Learning Outcomes
CĐR	Chuẩn đầu ra
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
LL&PPDH	Lý luận và phương pháp dạy học
TESOL	Teaching English to Speakers of Other Languages
CNTT	Công nghệ thông tin

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1.1 Trường Đại học Vinh

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục lần thứ 2 vào năm 2017.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009, năm 2014 và năm 2019), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (2019) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

- **Sứ mạng:** Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

- **Tầm nhìn:** Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.

- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực (honesty), trách nhiệm (accountability), say mê (passion), sáng tạo (creativity), hợp tác (collaboration)

- **Triết lý giáo dục:** Hợp tác (collaboration), Sáng tạo (creativity)

Trường Đại học Vinh khuyến khích người học phát triển năng lực hợp tác thông qua tạo dựng môi trường học thuật đa dạng để phát huy sự cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân, tập thể. Nhà trường xem sáng tạo là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân và do đó, hướng tới đào tạo

người học trở thành người lao động sáng tạo trong các hoạt động nghề nghiệp và có khả năng thích ứng cao.

- **Cơ cấu tổ chức:** Hiện nay Trường đào tạo 14 ngành sư phạm, 18 ngành kỹ sư, 26 ngành cử nhân trình độ đại học, 37 chuyên ngành thạc sĩ và 17 chuyên ngành tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên, là một trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước, và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.

- **Đội ngũ cán bộ:** Trường Đại học Vinh hiện có 1.050 cán bộ, viên chức (trong đó có 714 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 3 giáo sư, 50 phó giáo sư, 284 tiến sĩ, 502 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ của Nhà trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước. Cùng với hoạt động đào tạo, đội ngũ giảng viên luôn chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ đã triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp; tổ chức trên 100 hội thảo khoa học; công bố trên 2.000 bài báo ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Trường Đại học Vinh luôn nằm trong top 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

- **Cơ sở vật chất:** Với 5 cơ sở trên diện tích 286,3 hecta, Trường Đại học Vinh có hệ thống cơ sở hạ tầng và không gian học tập hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành. Các trang thiết bị phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động ngoại khóa thường xuyên được bổ sung, cập nhật, bảo dưỡng. Hệ thống phòng làm việc cho khối hành chính được xây dựng đầy đủ, đúng tiêu chuẩn. Ký túc xá sinh viên của Trường có khả năng đáp ứng nhu cầu cho trên 1000 sinh viên.

Trường Đại học Vinh đã xác định tầm nhìn chiến lược và định hướng phát triển chung thành Đại học Vinh, trở thành một trong các cơ sở giáo dục đại học trụ cột ở khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng Top 500 đại học hàng đầu châu Á. Nhà trường liên tục triển khai các chính sách đổi mới giáo dục đại học, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, góp phần giải quyết những vấn đề lớn trong đào tạo nhân lực chất lượng cao và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

1.2 Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ

Khoa Ngoại ngữ được thành lập ngày 27 tháng 10 năm 1994 theo Quyết định số 3090/GD-ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Ngày 11 tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1136/TTg-KGVX về việc bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm, Khoa Ngoại Ngữ là một trong ba đơn vị được Nhà

trường chọn đổi tên thành khoa sư phạm nhằm phát huy truyền thống của Nhà trường. Ngày 04 tháng 11 năm 2013, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ký Quyết định số 3557/QĐ-ĐHV đổi tên Khoa Ngoại ngữ thành Khoa Sư phạm Ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Vinh.

- **Chức năng, nhiệm vụ:** Đào tạo trình độ Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Anh, và trình độ Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh; đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh không chuyên ngữ trong toàn Trường đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho giáo viên tiếng Anh phổ thông các tỉnh Bắc Trung Bộ thuộc Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020; bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, giáo viên ngoại ngữ, giảng viên, giáo viên dạy chuyên ngành bằng ngoại ngữ; hỗ trợ, tư vấn các hoạt động, chính sách liên quan đến ngoại ngữ cho các trường Đại học, các trường Phổ thông, các Sở, Ban ngành trong khu vực Bắc Trung Bộ; cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngoại ngữ phục vụ cộng đồng; hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước trong công tác đào tạo và bồi dưỡng ngoại ngữ; tổ chức thi, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- **Đội ngũ cán bộ:** Cùng với sự lớn mạnh của Nhà trường, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã phát triển về nhiều mặt. Hiện nay đội ngũ cán bộ của Khoa có 54 cán bộ, trong đó có 49 cán bộ giảng dạy, gồm: 02 Phó giáo sư, 08 Tiến sĩ, 37 Thạc sĩ, 02 Cử nhân (đang học Thạc sĩ); 01 Nghiên cứu sinh ở nước ngoài, 01 Giảng viên cao cấp, 12 Giảng viên chính. Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, được đào tạo tại các trường có uy tín trong và ngoài nước như Nga (01 tiến sĩ), New Zealand (01 tiến sĩ), Nhật Bản (01 tiến sĩ), Pháp (01 tiến sĩ), Hoa Kỳ (03 thạc sĩ), Úc (02 tiến sĩ, 01 nghiên cứu sinh), Anh (02 thạc sĩ), Đài Loan (01 thạc sĩ). Ngoài ra, hầu hết cán bộ giảng dạy đều đã tham gia các khóa tập huấn nâng cao trình độ ở nước ngoài và thường xuyên tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn nghiệp vụ.

- **Hoạt động nghiên cứu khoa học:** Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ giảng dạy cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh như VinhTESOL, VietTESOL; xuất bản nhiều giáo trình, tập bài giảng; công bố các bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã chủ trì và tham gia thực hiện đề tài các cấp. Bên cạnh đó, giai đoạn 2016-2020, cán bộ khoa đã thực hiện nhiều khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, xây dựng đề thi, biên soạn chương trình tài liệu trong khuôn khổ Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 và các chương trình khác của do Bộ GD&ĐT, các tổ chức Văn hóa và giáo dục tổ chức.

1.3 Ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh

Ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh trình độ thạc sĩ tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2008. Đến nay, chương trình đã đào tạo hơn 300 học viên. Nhiều học viên sau khi tốt nghiệp đã được bổ nhiệm vào các vị trí quan trọng tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo bao gồm 02 Phó giáo sư, 08 tiến sĩ, giảng viên cơ hữu của khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ và các thỉnh giảng bao gồm các nhà khoa học hàng đầu trong nước ở lĩnh vực LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh. Ngoài ra khoa còn mời nhiều giáo sư ở các trường đại học nước ngoài như Nhật, Mỹ hợp tác để tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị nhằm giúp cho học viên có cơ hội hình thành và phát triển các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để đạt PLOs.

Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và học viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn. Chính vì vậy, các học viên ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh có cơ hội được sử dụng các trang thiết bị, tư liệu chung và riêng, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng, kiến thức cần thiết.

Ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh được xây dựng phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường: Vừa chuyển hướng sang đào tạo đa ngành vừa giữ gìn truyền thống đào tạo sư phạm. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được xác định tương thích với sứ mạng của nhà trường (*Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học*) và phù hợp với tầm nhìn trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN. CTĐT của ngành đã được đối sánh với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh ở một số trường đại học trong và ngoài nước với mong muốn góp phần đưa Trường Đại học Vinh trở thành thành viên của mạng lưới các trường Đại học ASEAN.

Các học phần trong CTĐT và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá cũng được thiết kế để thể hiện các giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường. CTĐT cũng nhấn mạnh các nguyên tắc giáo dục hiện đại, bao gồm việc phát triển song song các kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành, giúp người học trở thành những người dẫn dắt, lãnh đạo hàng đầu và duy trì khả năng học tập suốt đời. Theo đó, CTĐT ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh góp

phần giúp nhà Trường đạt được mục tiêu giáo dục, hoàn thành sứ mạng và hướng tới tầm nhìn cũng như đảm bảo các triết lý giáo dục mà nhà trường theo đuổi.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT được xây dựng, rà soát định kỳ, bổ sung, sửa đổi theo chủ trương và định hướng phát triển của nhà trường. Vì vậy, mục tiêu và CĐR của các CTĐT được xác định rõ ràng, tương thích với sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu, triết lý giáo dục của Trường, phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Công tác xây dựng và rà soát này có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, và các sản phẩm được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau. Đây là một trong các hoạt động quan trọng của ngành phục vụ cho chính sách chất lượng của Trường là *'không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và tham gia kiểm định chất lượng định kì'*.

Với lịch sử phát triển lâu năm của Trường và truyền thống đào tạo sư phạm của Trường và khoa, ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh đã và đang tiếp tục vận động, đổi mới, cập nhật với xu hướng của thời đại, đặc biệt là cuộc cách mạng kỹ thuật số và chiến lược xây dựng trường đại học thông minh mà nhà trường đang xây dựng. Trong các năm gần đây, ngành hướng tới các mục tiêu kiểm định quốc tế và ứng dụng CNTT một cách sâu rộng hơn trong quản lý học vụ và đào tạo. Chính vì vậy, người học sẽ có cơ hội được học theo CTĐT đạt chuẩn quốc tế, phát triển kỹ năng và tư duy kỹ thuật số, hình thành các tố chất của người lãnh đạo và hòa nhập với thế giới.

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1 Thông tin chung

Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn tiếng Anh MA in Teaching English to Speakers of Other Languages (TESOL)
Mã ngành đào tạo	8.14.01.11
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	2 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh
Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo	Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ
Hình thức đào tạo	Tập trung
Số tín chỉ yêu cầu	
Thang điểm	10
Ngôn ngữ sử dụng	Tiếng Anh
Ngày tháng ban hành	
Phiên bản chỉnh sửa	2022

2.2 Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát

Chương trình thạc sĩ LL&PPDH Tiếng Anh cung cấp các kiến thức chung về triết học, quản trị, quản lý và kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học ứng dụng và phương pháp giảng dạy tiếng Anh (TESOL) đồng thời giúp người học phát triển các kỹ năng, phẩm chất cá nhân cần thiết để đạt các mục tiêu nghề nghiệp, trở thành những người định hướng và dẫn dắt trong lĩnh vực giáo dục.

Mục tiêu cụ thể

TT	Mục tiêu
PG1	Áp dụng kiến thức chung về triết học, quản lý, quản trị và kiến thức chuyên sâu của ngành ngôn ngữ học ứng dụng và chuyên ngành TESOL để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục bộ môn tiếng Anh
PG2	Sử dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp để cải tiến hoạt động chuyên môn và thể hiện trách nhiệm, đạo đức của nhà giáo và nhà nghiên cứu giáo dục
PG3	Hợp tác, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh
PG4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh

2.3 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể:

TT	Mô tả chủ đề CDR của CTĐT
PLO1.1	Liên hệ các kiến thức chung về triết học, quản lý, quản trị và kiến thức chuyên sâu về ngành ngôn ngữ học ứng dụng để nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh
PLO1.2	Tổng hợp các kiến thức chuyên sâu của ngành TESOL để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục bộ môn tiếng Anh
PLO2.1	Sử dụng kỹ năng phân tích, tổng hợp, suy ngẫm, phản biện, sáng tạo và kỹ năng nghiên cứu khoa học để thực hiện và cải tiến các hoạt động chuyên môn
PLO2.2	Thể hiện trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh
PLO3.1	Vận dụng kỹ năng lãnh đạo nhóm và hợp tác trong các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh
PLO3.2	Vận dụng kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh
PLO4.1	Phân tích bối cảnh thực hiện các nghiên cứu khoa học trong đến lĩnh vực giáo dục tiếng Anh
PLO4.2	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh

Mối quan hệ giữa mục tiêu CTĐT và các chủ đề CDR của CTĐT được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu của CTĐT và các chủ đề CDR của CTĐT

	Chủ đề CDR của CTĐT							
	PLO1.1	PLO1.2	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1	PLO4.2
PG1	✓	✓						
PG2			✓	✓				
PG3					✓	✓		
PG4							✓	✓

2.4 Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành TESOL, người học có thể học tiếp lên bậc tiến sĩ ngành TESOL hoặc Ngôn ngữ Anh để đạt được các học vị cao hơn hoặc đảm nhận các vị trí công tác như sau:

- giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông, và các trung tâm ngoại ngữ
- chuyên gia nghiên cứu tại các viện nghiên cứu giáo dục
- quản lý bộ môn tiếng Anh tại các trường phổ thông
- quản lý đào tạo ở các trung tâm ngoại ngữ

- chuyên gia tư vấn giáo dục tại các tổ chức giáo dục, đặc biệt là có yếu tố nước ngoài
- nhà biên soạn sách và tư liệu dạy học tiếng Anh
- chuyên gia thiết kế đề thi và chấm thi tại các trung tâm Kiểm định

2.5 Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

Đối tượng được dự thi phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh;
- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh và đã học bổ sung kiến thức theo quy định;
- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

Người học phải đáp ứng các điều kiện sau để được công nhận tốt nghiệp:

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn;
- Có điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường Đại học Vinh;
- Đã công bố công khai luận văn trên website của Trường Đại học Vinh đủ thời gian theo quy định.

2.6 Các dịch vụ hỗ trợ người học

Trường Đại học Vinh cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người học từ khi đăng ký dự thi cho đến lúc nhận bằng tốt nghiệp. Các đơn vị và phòng ban khác nhau được phân công để hướng dẫn, giúp đỡ người học trong suốt quá trình học tập.

Thông tin liên hệ:

* Website: <http://vinhuni.edu.vn/>

* Điện thoại: 0238 3855 452

* Phòng Đào tạo Sau đại học: <http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/>

* Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ: <http://khoaspnn.vinhuni.edu.vn/>

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1 Tổng quan về CTDH

CTDH của ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh định hướng nghiên cứu bao gồm 04 hợp phần: Khối kiến thức chung, Khối kiến thức cơ sở, Khối kiến thức chuyên ngành và Luận văn.

- Khối kiến thức chung bao gồm hai học phần là Triết học (4 tín chỉ) và Ngoại ngữ 2 (3 tín chỉ).
- Khối kiến thức cơ sở gồm 04 học phần bắt buộc (12 tín chỉ) và 04 học phần tự chọn (12 tín chỉ). Các học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức nền tảng về tiếp thu ngôn ngữ, đường hướng và phương pháp dạy học tiếng Anh, kiểm tra đánh giá ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh, ứng dụng CNTT trong dạy học ngoại ngữ và các lý thuyết về ngôn ngữ và dạy học ngôn ngữ.
- Khối kiến thức chuyên ngành gồm 03 học phần bắt buộc (9 tín chỉ) và 02 học phần tự chọn (6 tín chỉ). Các học phần này nhằm cung cấp cho người học các lý thuyết và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh như kỹ thuật dạy học tiếng Anh, xây dựng chương trình dạy học tiếng Anh, tổng quan nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học tiếng Anh và chính sách và thực tiễn giảng dạy tiếng Anh.
- Luận văn (chiếm 15 tín chỉ) là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới trong chuyên ngành.

3.2 Chuẩn đầu ra CTĐT

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
PLO1.1	Liên hệ các kiến thức chung về triết học, quản lý, quản trị và kiến thức chuyên sâu về ngành ngôn ngữ học ứng dụng trong nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	
1.1.1	Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	3
1.1.2	Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học tiếng Anh	4
PLO1.2	Tổng hợp các kiến thức chuyên sâu của ngành TESOL để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục bộ môn tiếng Anh	
1.2.1	Đánh giá tính phù hợp của đường hướng và phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục cụ thể	4
1.2.2	Phân tích các nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh	4

Ký hiệu CĐR	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
	để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể	
PLO2.1	Vận dụng kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	
2.1.1	Phân tích, tổng hợp để đánh giá dữ liệu và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến dạy học và giáo dục tiếng Anh	4
2.1.2	Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động chuyên môn	4
PLO2.2	Thể hiện trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo-nhà nghiên cứu	
2.2.1	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	4
2.2.2	Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục	4
PLO3.1	Vận dụng kỹ năng lãnh đạo nhóm và hợp tác trong các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	
3.1.1	Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	4
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	4
PLO3.2	Vận dụng kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	
3.2.1	Sử dụng các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	4
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn	4
PLO4.1	Phân tích bối cảnh thực hiện các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	
4.1.1	Phân tích bối cảnh xã hội và khoa học-kỹ thuật liên quan đến các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	4
4.1.2	Phân tích bối cảnh giáo dục tiếng Anh của quốc gia, địa phương và đơn vị giáo dục	4
PLO4.2	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	
4.2.1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	5

Ký hiệu CĐR	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
4.2.2	Thiết kế phương pháp và công cụ nghiên cứu để thực hiện ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	5
4.2.3	Thu thập và phân tích dữ liệu để rút ra kết luận khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	5
4.2.4	Đánh giá và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	5

3.3 Khung chương trình dạy học

TT	Tên môn học	Số TC	Ghi chú
KIẾN THỨC CHUNG (2 MÔN)			
1	Triết học (Philosophy)	4	
2	Ngoại ngữ 2 (Foreign Language)	3	
KIẾN THỨC CƠ SỞ BẮT BUỘC (4 MÔN)			
3	Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai (First and Second language Acquisition)	3	
4	Đường hướng và phương pháp giảng dạy tiếng Anh (Approaches and Methods in English Language Teaching)	3	
5	CNTT trong dạy học ngoại ngữ (Technology in English Language Teaching)	3	Đồ án
6	Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh (Language Testing and Assessment)	3	
KIẾN THỨC CƠ SỞ TỰ CHỌN (4 MÔN)			
Tự chọn 1	Phương pháp NCKH chuyên ngành tiếng Anh (Research Methods in English Language Teaching)	3	Đồ án
Tự chọn 1	Viết khoa học (Academic writing)	3	Đồ án
Tự chọn 2	Bình diện văn hóa trong dạy học tiếng Anh (Cultural Issues in English Language Teaching)	3	
Tự chọn 2	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	
Tự chọn 3	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3	
Tự chọn 3	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	
Tự chọn	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	

TT	Tên môn học	Số TC	Ghi chú
4	(Contrastive Analysis)		
Tự chọn 4	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	3	
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC (3 MÔN)			
11	Giảng dạy ngữ liệu tiếng Anh (Teaching the English Language Elements)	3	
12	Giảng dạy kỹ năng tiếng Anh (Teaching the English Language Skills)	3	Đồ án
13	Xây dựng chương trình dạy học tiếng Anh (English Language Curriculum Development)	3	Đồ án
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN (2 MÔN)			
Tự chọn 5	Tổng quan nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học tiếng Anh (Previous Studies in English Language Education)	3	Đồ án
Tự chọn 5	Lịch sử giảng dạy tiếng Anh (History of English Language Teaching)	3	Đồ án
Tự chọn 6	Lý thuyết, chính sách và thực tiễn giảng dạy tiếng Anh (EFL Education: Theory, Policies and Practices in Schools)	3	
Tự chọn 6	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	
LUẬN VĂN			
16	Luận văn (Graduation Thesis)	15	

3.4 Bảng phân nhiệm CDR CTĐT cho các học phần

Tên học phần	PLO1.1		PLO1.2		PLO2.1		PLO2.2		PLO3.1		PLO3.2		PLO4.1		PLO4.2			
	1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
	K	K	K	K	K	K	A	A	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
Triết học	2.5						3.5											
Ngoại ngữ 2									3.5	3.5		2.5						
Tiếp thu NNTN và NNTH		3.5			3.5						3.5							
Đường hướng và PPGD TA		3.5	3.5												3.5			
Kiểm tra đánh giá trong dạy học TA			3.5	3.5												3.5	3.5	
CNTT trong dạy học ngoại ngữ						3.5										3.5	3.5	
Tự chọn 1					3.5			3.5							3.5	3.5	3.5	3.5
Tự chọn 2		3.5											3.5	3.5				
Tự chọn 3		3.5						3.5			3.5							
Tự chọn 4		3.5							3.5	3.5								
Gảng dạy ngữ liệu TA				3.5												4.5	4.5	
Giảng dạy kỹ năng TA				3.5												4.5	4.5	
Xây dựng CT dạy học TA			3.5												3.5	4.5		
Tự chọn 5							3.5								3.5		4.5	
Tự chọn 6														3.5	3.5		4.5	
Luận văn			3.5	3.5									3.5	3.5	4.5	4.5	4.5	4.5

Ghi chú viết tắt:

- K: Kiến thức, A: Thái độ, S: Kỹ năng
- NNTN: Ngôn ngữ thứ nhất
- NNTH: Ngôn ngữ thứ hai
- PPGD: Phương pháp giảng dạy
- TA: Tiếng Anh
- CNTT: Công nghệ thông tin
- CT: Chương trình

3.5 Phương pháp giảng dạy và học tập

CTĐT ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh được thực hiện theo hình thức blended learning, với khoảng 30% thời lượng học online và 70% thời lượng học trực tiếp tương tác thầy-trò. Học viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên một số học phần/nội dung trước khi tham gia học trực tiếp với giảng viên. Ngoài ra, hình thức dạy học flipped learning cũng được sử dụng để tối đa hóa hiệu quả học tập. Đây là hình thức dạy học yêu cầu người học nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu vấn đề trước khi lên lớp và sau đó thảo luận sâu hơn về chủ đề cũng như tương tác với bạn học và giảng viên để phát triển các năng lực bậc cao.

Khoảng 30% khối lượng tín chỉ của CTĐT này sử dụng hình thức dạy học dự án. Đây là hình thức dạy học hướng tới phát triển kiến thức và kỹ năng thông qua việc thực hiện các dự án xoay quanh một vấn đề/thách thức mà người học có thể gặp phải trong thực tế. Theo đó, người học tích cực và chủ động khám phá kiến thức để giải quyết vấn đề, từ đó phát triển các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp. Dạy học dự án cho phép người học thiết kế, lên kế hoạch, quản lý, đánh giá dự án, và do đó, rèn luyện nhiều kỹ năng cần thiết cho thế giới nghề nghiệp.

Ngoài dạy học dự án, các học phần trong CTĐT khác sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực như giải quyết vấn đề, nghiên cứu tình huống, minh họa, thực hành, tranh luận, đóng vai, học thông qua dạy.

3.6 Phương pháp kiểm tra đánh giá

Các học phần trong CTĐT ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh sử dụng nhiều phương pháp và công cụ đánh giá khác nhau, tùy vào tính chất của CDR. Một số phương pháp đánh giá chính bao gồm thuyết trình, bài tập lớn, dự án, và dạy thử. Các công cụ đánh giá có thể là rubric, bảng checklist, hoặc bảng đánh giá theo cặp.

Hình thức đánh giá chiếm nhiều tín chỉ nhất trong CTĐT là luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ). Sau khi kết thúc việc học các học phần, học viên được hướng dẫn lập đề cương nghiên cứu để chuẩn bị cho việc thực hiện luận văn tốt nghiệp. Dưới sự hỗ trợ và dẫn dắt của giáo viên hướng dẫn, học viên thực hiện nghiên cứu và viết luận văn trong 06 tháng. Việc tổ chức bảo vệ luận văn thạc sĩ cho toàn bộ các học viên được thực hiện trong khoảng thời gian chậm nhất là 24 tháng kể từ ngày nhập học.

3.7 Mô tả tóm tắt các học phần trong CTDH

1. Triết học
Học phần này thuộc khối kiến thức chung bắt buộc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức về Triết học Mác-Lênin một cách có hệ thống giúp người học phân tích vị trí và vai trò của con người trong thế giới, mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan, từ đó phát triển các phương pháp luận khoa học để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều

kiến cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, trang bị những kỹ năng cần thiết trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, đồng thời củng cố thể giới quan duy vật biện chứng và áp dụng trong công tác nghiên cứu, giảng dạy Tiếng Anh.

2. Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp)

Học phần này thuộc khối kiến thức chung bắt buộc. Học phần giúp người học củng cố kiến thức từ vựng, ngữ pháp và phát âm của ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết bằng Tiếng Pháp. Thông qua việc thực hành, người học phát triển năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ thứ hai (ngoài Tiếng Anh) để có thể đạt năng lực tương đương với bậc 2 trong Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

3. Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai

Đây là học phần chuyên ngành bắt buộc thuộc chuyên ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh, trang bị kiến thức tổng quát về quá trình tiếp thu ngôn ngữ, làm cơ sở cho các môn chuyên ngành tiếp theo. Nội dung học phần gồm 06 chương được thực hiện với 3 tín chỉ, tập trung vào các vấn đề lý thuyết tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai bao gồm Thuyết Hành vi, Thuyết tri nhận, Thuyết tương tác xã hội. Ngoài ra học phần trang bị cho người học kiến thức về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai/ngoại ngữ như yếu tố tuổi tác, yếu tố tâm lý, yếu tố văn hóa-xã hội.

4. Đường hướng và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình dạy học. Học phần tập trung vào các đường hướng và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, trong đó đặc biệt khai thác sâu các phương pháp phổ biến như Grammar Translation, Audiolingual, Total Physical Response, The Direct Method, the Silent Way, Community Language Learning, và Communicative Language Teaching. Môn học khai thác lý luận về đường hướng và phương pháp dạy học tiếng Anh với mức độ sâu và bao quát hơn chương trình ở bậc đại học.

5. Công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ

Công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ là học phần chuyên ngành bắt buộc, trang bị kiến thức tổng quát về quá trình tiếp thu ngôn ngữ, làm cơ sở cho các môn chuyên ngành tiếp theo. Chuyên đề cung cấp cho học viên kiến thức lý luận và thực tiễn về việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ngoại ngữ ở trường phổ thông và chức năng, công dụng của các phương tiện kỹ thuật; trang bị cho học viên những kỹ năng và thủ thuật sử dụng các công cụ, nền tảng khác nhau trong dạy học ngoại ngữ.

6. Kiểm tra đánh giá trong dạy học Tiếng Anh

Học phần *Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ* là môn chuyên ngành bắt buộc. Nội dung môn học này gồm 8 chương, được thực hiện trong 3 tín chỉ, tập trung giới thiệu khái quát kiểm tra đánh giá ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, tìm hiểu về quy trình và nguyên tắc trong việc thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kiến thức được trang bị để phân tích và thiết kế các bài kiểm tra đánh giá trong thực tiễn giảng dạy. Môn học này còn chú trọng đến việc phân tích các phương pháp đánh giá tích cực theo hướng đổi mới chương trình được thực

hiện theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020.

7. Phương pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chương trình và được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (15 tiết). Các kiến thức về các kiến thức nghiên cứu khoa học sẽ được cung cấp ở phần lý thuyết và phần thực hành sẽ tạo cơ hội cho học viên áp dụng các kiến thức đã học để phát triển đề cương nghiên cứu phục vụ cho luận văn cuối khóa. Bên cạnh đó, các hoạt động thực hành cũng được thiết kế giúp cho sinh viên phát triển được các kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tự nghiên cứu một cách hiệu quả.

8. Viết khoa học

Viết khoa học là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn trong CTĐT. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về viết khoa học; xây dựng ý tưởng nghiên cứu khoa học và cách thức, chiến lược viết khoa học; phát triển các kỹ năng và kỹ thuật viết khoa học nhằm thực hiện hiệu quả diễn ngôn về kết quả nghiên cứu, bao gồm cách viết các câu và đoạn văn tường minh, lô gíc, cách viết bài báo khoa học, đề cương nghiên cứu và luận văn; đánh giá, cải tiến các sản phẩm viết học thuật, viết khoa học.

9. Bình diện văn hóa trong dạy học Tiếng Anh

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần trang bị cho người học kiến thức về các bình diện nội ngôn, cận ngôn và ngoại ngôn thể hiện trong giao tiếp giao văn hoá và nội văn hoá. Học phần chú trọng ngữ dụng học giao văn hoá với các bình diện phạm trù như lịch sự, trực tiếp-gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp. Dựa trên những nguyên tắc giao tiếp giao văn hoá, học viên có thể thiết kế các hoạt động để khai thác hiệu quả bình diện văn hóa trong dạy học tiếng Anh.

10. Phân tích diễn ngôn

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần trình bày những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của ngôn bản và phân tích ngôn bản, đồng thời nêu lên vai trò của phân tích ngôn bản trong giảng dạy và học tập ngôn ngữ nói chung cũng như việc dạy học ngoại ngữ nói riêng, giúp người học phân tích các ngôn bản cụ thể và nhận thức rõ vai trò của kiến thức nền trong phân tích ngôn bản cũng như áp dụng các kiến thức diễn ngôn trong dạy học Tiếng Anh.

11. Ngữ dụng học

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần giúp người học hình thành kỹ năng phân tích văn bản, diễn giải nghĩa của phát ngôn trong ngữ cảnh cụ thể, nhằm đạt hiệu quả cao trong giao tiếp. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu việc hành chức của ngôn ngữ trong thực tế sử dụng, các phương pháp cụ thể để phân tích ngôn ngữ tiên tiến đang thịnh hành và được áp dụng trong nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh và các kiến thức cơ bản về các trường phái ngôn ngữ tiên tiến đang thịnh hành.

12. Ngôn ngữ học đại cương

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như bản chất, chức năng của ngôn ngữ và lời

nói, hoạt động lời nói, ngôn ngữ và giao tiếp, các trường phái nghiên cứu ngôn ngữ, liên ngôn ngữ, và ngữ vực. Bên cạnh đó, người học cũng được cung cấp một số khái niệm và thuật ngữ mới trong các lý thuyết về ngôn ngữ hiện đại, các khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ và lời nói, từ đó hình thành kỹ năng vận dụng các nguyên lý về ngôn ngữ và hoạt động lời nói trong nghiên cứu, dạy học tiếng Anh.

13. Ngôn ngữ học đối chiếu

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần trang bị cho người học những khái niệm về phân tích đối chiếu ngôn ngữ như cơ sở của phân tích đối chiếu, cơ sở tâm lý học của việc đối chiếu ngôn ngữ, khái niệm phân tích, đối chiếu ngôn ngữ trên phương diện vi mô và vĩ mô. Người học được rèn luyện kỹ năng phân tích đối chiếu các bộ phận ngôn ngữ để nhận biết những điểm giống nhau và khác nhau của các ngôn ngữ, đặc biệt là so sánh đối chiếu giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt, nhằm ứng dụng vào việc nghiên cứu, công tác biên phiên dịch, cũng như giảng dạy Tiếng Anh.

14. Ngôn ngữ học tri nhận

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần được cấu trúc theo 03 chương, trang bị cho học viên những khái niệm cơ bản về nghiên cứu ngôn ngữ dưới ánh sáng của nhận thức luận như không gian tinh thần, ẩn dụ, hoán dụ, lý thuyết điển mẫu, mô hình tri nhận lý tưởng và vấn đề phạm trù hóa trong ngôn ngữ. Ngoài ra, các vấn đề thụ đắc ngôn ngữ, dịch thuật, ngữ dụng, ngữ pháp, ngôn ngữ và văn hoá cũng được thảo luận và nghiên cứu trong học phần nhằm giúp người học áp dụng kiến thức về ngôn ngữ học tri nhận trong dạy học Tiếng Anh.

15. Giảng dạy ngữ liệu Tiếng Anh

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc thuộc trong chương trình. Học phần giúp học viên phát triển các kỹ năng dạy học ngữ liệu tiếng Anh, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, và phát triển kiến thức chuyên sâu về phương pháp và kỹ thuật giảng dạy ngữ liệu. Nội dung học phần gồm 03 chương được thực hiện với 3 tín chỉ, tập trung vào nguyên tắc, quy trình, hoạt động dạy học từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm tiếng Anh nhằm giúp người học phát triển kỹ năng dạy học và đánh giá các hoạt động giảng dạy từ vựng, ngữ pháp và phát âm.

16. Giảng kỹ năng Tiếng Anh

Đây là học phần chuyên ngành bắt buộc trong CTĐT. Học phần giúp học viên phát triển kiến thức chuyên sâu về phương pháp và kỹ thuật giảng dạy kỹ năng ngôn ngữ. Nội dung học phần gồm 05 chương được thực hiện với 3 tín chỉ, tập trung vào nguyên tắc, quy trình, hoạt động dạy học cho các bài học kỹ năng tiếng Anh nhằm giúp người học nắm vững các kiến thức chuyên sâu và phát triển năng lực thiết kế và triển khai bài dạy kỹ năng, đồng thời đánh giá hoạt động giảng dạy kỹ năng tiếng Anh của bản thân và đồng nghiệp.

17. Xây dựng chương trình dạy học Tiếng Anh

Đây là học phần chuyên ngành bắt buộc trong CTĐT. Học phần tập trung vào các vấn đề lý

luận trong thiết kế chương trình, các nguyên lý và quy trình khi xây dựng chương trình. Người học sẽ được trang bị cơ sở lý luận phục vụ cho việc thiết kế chương trình môn học và các kiến thức về chương trình dạy học tiếng Anh. Ngoài ra, người học được thực hành các bước thiết kế chương trình và thảo luận các vấn đề cần quan tâm khi phát triển chương trình và sử dụng tài liệu dùng cho dạy học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

18. Tổng quan nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần tập trung vào việc phân tích và tổng hợp các nghiên cứu trước đây trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh, từ đó giúp người học có cái nhìn tổng quan về các xu hướng nghiên cứu trong quá khứ và đương đại liên quan đến việc dạy học ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng. Thông qua việc tổng kết các nghiên cứu đã có trước đây, người học hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học để cải tiến chất lượng giảng dạy và/hoặc đóng góp vào nền tảng lý thuyết hiện có, đồng thời phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống cũng như các kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu.

19. Lịch sử giảng dạy Tiếng Anh

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần giúp người học hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của việc dạy ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng. Học phần tập trung thảo luận về bối cảnh xuất hiện của các phương pháp và xu hướng giảng dạy Tiếng Anh phổ biến cũng như ảnh hưởng của xã hội đối với việc dạy Tiếng Anh. Từ đó, người học hình thành kỹ năng phân tích bối cảnh kinh tế, xã hội, giáo dục để lựa chọn đường hướng và phương pháp dạy học Tiếng Anh phù hợp và hiệu quả.

20. Lý thuyết, chính sách và thực tiễn giảng dạy Tiếng Anh

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết giảng dạy Tiếng Anh, các chính sách giảng dạy Tiếng Anh và mối liên hệ giữa chúng với thực tiễn giảng dạy Tiếng Anh. Thông qua các hoạt động nghiên cứu tình huống, người học phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá ảnh hưởng của chính sách đối với thực tế dạy học Tiếng Anh, từ đó, hình thành ý tưởng và đề xuất thay đổi liên quan đến chính sách để cải tiến chất lượng dạy học Tiếng Anh ở đơn vị.

21. Ngôn ngữ học ứng dụng

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần tập trung giúp người học rèn luyện kỹ năng khai thác, khảo sát ngôn ngữ từ góc độ của khoa học xã hội như xã hội học, nhân chủng học, và giảng dạy ngôn ngữ. Học phần cung cấp cho người học những khái niệm, các vấn đề có liên quan đến việc nghiên cứu việc học tập và giảng dạy ngôn ngữ, các chính sách ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giai cấp, chính sách ngôn ngữ và các nét tương đồng/dị biệt trong một số ngôn ngữ, đặc biệt là giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt.

PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ

4.1 Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo bao gồm 02 Phó giáo sư, 07 tiến sĩ, giảng viên cơ hữu của khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ và các thỉnh giảng bao gồm các nhà khoa học hàng đầu trong nước ở lĩnh vực LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh. Ngoài ra khoa còn mời nhiều giáo sư ở các trường đại học nước ngoài như Nhật, Mỹ hợp tác để tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị nhằm giúp cho học viên có cơ hội hình thành và phát triển các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để đạt các CĐR.

Đội ngũ giảng viên của ngành được quy hoạch, tuyển dụng dựa trên các yêu cầu, tiêu chuẩn để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Với năng lực chuyên môn cao, đội ngũ giảng viên của ngành đã chủ trì/tham gia thực hiện nhiều công trình nghiên cứu khoa học và công bố các kết quả nghiên cứu rộng rãi. Đây là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng giảng dạy của các học phần trong CTĐT. Ngành phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của từng giảng viên. Nhờ thế, năng lực và điểm mạnh của mỗi người được phát huy tới mức tối đa, mang lại các giá trị bền vững cho CTĐT.

Bảng dưới đây cung cấp các thông tin chung về đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo của ngành.

TT	Họ và tên	Vị trí	Ngành học tiến sĩ	Nơi cấp bằng
1	PGS. TS. Trần Thị Ngọc Yến	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	New Zealand
2	TS. Nguyễn Thị Vân Lam	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
3	TS. Trần Thị Hảo	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
4	TS. Lê Thị Tuyết Hạnh	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	Việt Nam
5	PGS. TS. Ngô Đình Phương	Cơ hữu	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
6	TS. Trần Bá Tiến	Cơ hữu	Ngôn ngữ Anh	Việt Nam
7	TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Cơ hữu	Ngôn ngữ học	Việt Nam
8	TS. Nguyễn Duy Bình	Cơ hữu	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
9	TS. Nguyễn Xuân Bình	Cơ hữu	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
10	PGS. TS. Nguyễn Thanh Tùng	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
11	PGS. TS. Lê Phạm Hoài Hương	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	New Zealand
12	PGS. TS. Lê Văn Canh	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
13	TS. Nguyễn Gia Việt	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	New Zealand
14	PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	Thỉnh giảng	Giáo dục học	Anh
15	TS. Huỳnh Anh Tuấn	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ học	Anh
16	TS. Trần Quang Hải	Thỉnh giảng	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
17	TS. Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ học	Anh
18	TS. Nguyễn Thị Quyết	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ Anh	Việt Nam

19	PGS. TS. Lâm Quang Đông	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ Anh	Việt Nam
20	TS. Nguyễn Duy Khang	Thỉnh giảng	Khoa học giáo dục	Ba Lan
21	TS. Phan Thị Tuyết Vân	Thỉnh giảng	Khoa học giáo dục	Ba Lan

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu và các thỉnh giảng trong nước, ngành còn mời các giáo sư hàng đầu về TESOL ở các nước phát triển như Nhật, Úc tham gia thực hiện các buổi seminar, tập huấn, hội thảo nhằm tạo cơ hội cho người học phát triển chuyên sâu về năng lực sư phạm và trình độ chuyên môn. Các chuyên gia quốc tế cũng tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học với đội ngũ giảng viên cơ hữu của khoa và hỗ trợ trong việc hướng dẫn học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp.

4.2 Nhân viên hỗ trợ

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành bao gồm đội ngũ hỗ trợ chung của Nhà trường (Thư viện, Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, Phòng Công tác Chính trị - Học sinh - Sinh viên, Bộ phận một cửa - Phòng Hành chính Tổng hợp) và đội ngũ hỗ trợ của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ (chuyên viên phụ trách công tác văn phòng; chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị Học sinh - Sinh viên; chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật ở các phòng học tiếng, chuyên viên tài chính và quản lý quỹ). Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ cử nhân trở lên, trong đó 03 cán bộ có trình độ cử nhân và 01 cán bộ có trình độ thạc sĩ. Để đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn thường xuyên nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng giải quyết vấn đề.

Thông tin liên hệ:

* Website: <http://vinhuni.edu.vn/>

* Điện thoại: 0238 3855 452

* Phòng Đào tạo Sau đại học: <http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/>

* Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ: <http://khoaspnn.vinhuni.edu.vn/>

PHẦN 5. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

Trường Đại học Vinh nói chung và ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh nói riêng, luôn cố gắng đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu dạy học và chuẩn đầu ra CTĐT.

5.1 Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng

Trường Đại học Vinh có khuôn viên lớn với hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng đầy đủ, đa dạng, thuận tiện cho việc tổ chức dạy học cho hàng vạn sinh viên và học viên cao học. Mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa với diện tích đáp ứng quy mô của khoa và các phòng họp phục vụ cho các buổi họp, seminar, sinh hoạt chuyên môn. Hiện tại, Nhà trường có 68 phòng làm việc với diện tích 15.864m² cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của tổ bộ môn. Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH.

5.2 Hệ thống thư viện

Hệ thống thư viện của trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Với diện tích sử dụng gần 29.000m² bao gồm 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi, thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện có những nội quy, quy định rõ ràng nhằm phục vụ bạn đọc tốt hơn.

Tính đến tháng 8/2016, về tài liệu truyền thống, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào có khoảng 26.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.500 luận án và luận văn. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hàng năm. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường đạt mức trung bình cho các ngành đào tạo. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Ilib).

Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Trung tâm Thông tin - Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>;

<http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Thư viện Trường đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Học viên có thể cập nhật, lấy dữ liệu, khai thác với thư viện các trường đại học khác như Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội, Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh, Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, sử dụng giải pháp thư viện số ELib-Tailieu.vn của công ty TNHH tài liệu trực tuyến VINA.

5.3 Hệ thống công nghệ thông tin

Ngành LL&PPDH Tiếng Anh được sự hỗ trợ của Trung tâm công nghệ thông tin trong việc quản lý các hoạt động học tập, nghiên cứu, của giảng viên và học viên. Giảng viên được trang bị máy tính xách tay để phục vụ công tác đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho học viên. Phần mềm CMC của nhà trường giúp cho ngành quản lý công tác dạy học, nghiên cứu khoa học, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, học phí và lĩnh vực khác một cách thuận tiện. Ngoài ra, hệ thống LMS giúp cho việc dạy và học được số hóa dễ dàng, tạo điều kiện cho người học tự nghiên cứu, tìm tòi trước giờ lên lớp, từ đó có thể phát triển các năng lực ở bậc cao.

5.4 Trạm y tế

Với diện tích khuôn viên 505 m², trạm y tế của nhà trường được trang bị đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của người học khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.9.05.03]. Trạm y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm và phân loại sức khỏe, quản lý và lưu hồ sơ sức khỏe của cán bộ và người học, sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe ban đầu, cấp thuốc thông thường, chuyển bệnh nhân lên cơ sở y tế tuyến trên trong những trường hợp cần thiết, tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe, vận động người học tham gia bảo hiểm y tế, tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học; chủ trì, phối hợp với các đơn vị, đoàn thể trong trường thực hiện công tác y tế trường học, xây dựng môi trường trường học lành mạnh, an toàn.

PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

6.1 Quy định về việc nghỉ học tạm thời, thôi học

Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường học sau đây:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ của cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thời gian nghỉ học tạm thời phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học theo quy chế.

6.2 Quy định về chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo

- Học viên được xét chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo xin chuyển đến và cơ sở đào tạo xin chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến đối với chuyển cơ sở đào tạo;
- c) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng cơ sở đào tạo đối với trường hợp chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo trong cùng một cơ sở đào tạo;
- d) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chương trình đào tạo phải bảo đảm các quy định của Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT.

6.3 Quy định về xử lý vi phạm đối với học viên

- Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

- Học viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

- Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ GD&ĐT:

+ Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, đề án hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;

- + Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, đề án và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu;
- + Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn, đề án.

6.4 Quy định chấm điểm luận văn thạc sĩ

Điểm luận văn của học viên cao học bao gồm: Điểm đánh giá nội dung luận văn đạt tối đa 9.0 điểm và điểm thành tích nghiên cứu khoa học đạt tối đa 1.0 điểm (có thể lẻ đến một chữ số thập phân).

*** Điểm đánh giá nội dung luận văn**

Luận văn được đánh giá đạt điểm 9.0 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Luận văn có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc;
- Nội dung luận văn tốt; hình thức trình bày đẹp và đúng quy định;
- Bảo vệ luận văn tốt;
- + Trình bày rõ ràng, đúng trọng tâm, đảm bảo thời gian và có minh họa;
- + Trả lời đầy đủ, mạch lạc và chính xác các câu hỏi của hội đồng.
- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 8.0 điểm trở lên.

Nếu không đạt một trong các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 9.0.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 8.5 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung luận văn tốt; hình thức trình bày đẹp và đúng quy định;
- Bảo vệ luận văn tốt;
- + Trình bày rõ ràng, đúng trọng tâm, đảm bảo thời gian và có minh họa;
- + Trả lời tương đối đầy đủ và chính xác các câu hỏi của hội đồng.
- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 7.5 điểm trở lên.

Nếu không đạt một trong các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 8.5.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 8.0 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung luận văn tốt; hình thức trình bày đúng quy định;
- Bảo vệ luận văn tốt;
- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 7.0 trở lên.

Nếu không đạt một trong các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 8.0.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 7.5 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung luận văn tốt; hình thức trình bày đúng quy định;
- Bảo vệ luận văn khá;
- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 6.5 trở lên.

Nếu không đạt các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 7.5.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 7.0 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung luận văn khá; hình thức trình bày đúng quy định;
- Bảo vệ luận văn khá;
- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 6.0 điểm trở lên.

Nếu không đạt các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 7.0.

Đối với luận văn được đánh giá đạt dưới 7.0 điểm:

- Áp dụng đối với các luận văn chưa đáp ứng được các yêu cầu nói trên. Căn cứ kết quả học tập, chất lượng luận văn và kết quả bảo vệ luận văn của học viên để các thành viên của hội đồng cho điểm phù hợp.

Luận văn không đạt yêu cầu khi Hội đồng chấm luận văn đánh giá đạt từ 5.4 điểm trở xuống.

*** Điểm thành tích nghiên cứu khoa học**

Điểm thành tích nghiên cứu khoa học được tính khi các kết quả chính của luận văn đã đăng tải trên tạp chí và các ấn phẩm khoa học khác thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước và Tạp chí khoa học của Trường Đại học Vinh trong thời gian học thạc sĩ; hoặc phát triển thành các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu.

Tổng điểm bài báo hoặc đề tài quy đổi được tính theo quy định của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước (khi tính điểm bài báo, đề tài không chia theo số lượng tác giả) của năm trước đó đạt từ:

- Thấp hơn hoặc bằng 0.5 điểm thì được cộng tối đa 0.5 điểm vào điểm luận văn;
- Trên 0.5 điểm thì được cộng tối đa 1 điểm vào điểm luận văn.

Nếu các bài báo hoặc đề tài nghiên cứu khoa học không gắn với kết quả chính của luận văn thì cho tối đa 50% số điểm đã nêu trên.

Lưu ý: Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của Hội đồng chấm từ 5.5 điểm trở lên.

Nghệ An, ngày 18 tháng 7 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

PHỤ LỤC 1

ĐỐI SÁNH CDR CTCĐT VÀ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM

PLOs	Khung Trình độ Quốc gia		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
1.1.1 Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo - Kiến thức liên ngành liên quan		
1.1.2 Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học tiếng Anh			
1.2.1 Đánh giá tính phù hợp của đường hướng và phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục cụ thể			
1.2.2 Phân tích các nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể			
2.1.1 Phân tích, tổng hợp để đánh giá dữ liệu và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến dạy học và giáo dục tiếng Anh	Kiến thức chung về quản trị và quản lý	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác
2.1.2 Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động chuyên môn		Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo	
2.2.1 Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh			
2.2.2 Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục			

PLOs		Khung Trình độ Quốc gia		
		Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
3.1.1	Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh			
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh		Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác	
3.2.1	Sử dụng các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh		Kỹ năng tổ chức, quản trị, và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến	
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn		Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	
4.1.1	Phân tích bối cảnh xã hội và khoa học-kỹ thuật liên quan đến các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh		Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	
4.1.2	Phân tích bối cảnh giáo dục tiếng Anh của quốc gia, địa phương và đơn vị giáo dục			
4.2.1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh			- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng - Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn - Đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
4.2.2	Thiết kế phương pháp và công cụ nghiên cứu để thực hiện ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh		Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác	
4.2.3	Thu thập và phân tích dữ liệu để rút ra kết luận khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh			
4.2.4	Đánh giá và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh			

PHỤ LỤC 2

ĐỐI SÁNH CDR CTĐT VÀ ĐỀ CƯƠNG CDIO

PLOs	CHỦ ĐỀ TRONG ĐỀ CƯƠNG CDIO			
	Kiến thức và lập luận ngành	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	Kỹ năng giao tiếp: Làm việc nhóm và giao tiếp	Năng lực CDIO trong bối cảnh nghề nghiệp
1.1.1 Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	Kiến thức cơ sở ngành			
1.1.2 Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học tiếng Anh	Kiến thức cơ sở ngành			
1.2.1 Đánh giá tính phù hợp của đường hướng và phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục cụ thể	Kiến thức chuyên ngành			
1.2.2 Phân tích các nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể	Kiến thức chuyên ngành			
2.1.1 Phân tích, tổng hợp để đánh giá dữ liệu và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến dạy học và giáo dục tiếng Anh		Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề + Tư duy tầm hệ thống		
2.1.2 Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động chuyên môn		Giao tiếp kỹ thuật số		
2.2.1 Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh		Đạo đức, công bằng và trách nhiệm		
2.2.2 Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục		Chủ động cho tương lai và vạch kế hoạch dài hạn		

PLOs		CHỦ ĐỀ TRONG ĐỀ CƯƠNG CDIO			
		Kiến thức và lập luận ngành	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	Kỹ năng giao tiếp: Làm việc nhóm và giao tiếp	Năng lực CDIO trong bối cảnh nghề nghiệp
3.1.1	Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh		Giao tiếp	Làm việc nhóm (Lãnh đạo nhóm)	
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh			Làm việc nhóm	
3.2.1	Sử dụng các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh			Giao tiếp (Giao tiếp đa phương tiện)	
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn			Giao tiếp bằng ngoại ngữ	
4.1.1	Phân tích bối cảnh xã hội và khoa học-kỹ thuật liên quan đến các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh				Hình thành ý tưởng
4.1.2	Phân tích bối cảnh giáo dục tiếng Anh của quốc gia, địa phương và đơn vị giáo dục				Hình thành ý tưởng
4.2.1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh				Hình thành ý tưởng
4.2.2	Thiết kế phương pháp và công cụ nghiên cứu để thực hiện ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh				Thiết kế
4.2.3	Thu thập và phân tích dữ liệu để rút ra kết luận khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh				Triển khai/Thực hiện
4.2.4	Đánh giá và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh				Vận hành

PHỤ LỤC 3

ĐỐI SÁNH CDR CTCĐT VÀ CDR CÙNG NGÀNH CỦA CÁC TRƯỜNG ĐH NƯỚC NGOÀI

PLOs CTCĐT		PLOs cùng ngành của các trường ĐH nước ngoài			
		University of Melbourne (Australia)	Swinburne University of Technology (Malaysia)	University of Anaheim (Europe)	University of San Francisco (United States)
1.1.1	Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	✓	✓	✓	✓
1.1.2	Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học tiếng Anh	✓	✓	✓	✓
1.2.1	Đánh giá tính phù hợp của đường hướng và phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục cụ thể	✓	✓	✓	✓
1.2.2	Phân tích các nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể	✓	✓	✓	✓
2.1.1	Phân tích, tổng hợp để đánh giá dữ liệu và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến dạy học và giáo dục tiếng Anh	✓			
2.1.2	Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động chuyên môn	✓	✓		✓
2.2.1	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	✓		✓	
2.2.2	Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục	✓		✓	
3.1.1	Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh		✓		

PLOs CTĐT		PLOs cùng ngành của các trường ĐH nước ngoài			
		University of Melbourne (Australia)	Swinburne University of Technology (Malaysia)	University of Anaheim (Europe)	University of San Francisco (United States)
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	✓			
3.2.1	Sử dụng các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục tiếng Anh	✓			
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn		✓		
4.1.1	Phân tích bối cảnh xã hội và khoa học-kỹ thuật liên quan đến các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh				
4.1.2	Phân tích bối cảnh giáo dục tiếng Anh của quốc gia, địa phương và đơn vị giáo dục	✓	✓	✓	
4.2.1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	✓	✓	✓	
4.2.2	Thiết kế phương pháp và công cụ nghiên cứu để thực hiện ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	✓	✓	✓	
4.2.3	Thu thập và phân tích dữ liệu để rút ra kết luận khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	✓	✓		
4.2.4	Đánh giá và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh	✓	✓	✓	✓

Nguồn tham khảo:

1. <https://handbook.unimelb.edu.au/2020/courses/mc-tesol/print>
2. <http://uciss.com/?course=master-of-arts-tesol> and <https://www.swinburne.edu.my/courses/master-of-arts-tesol.php>
3. <https://anaheim.edu/schools-and-institutes/graduate-school-of-education/ma-in-tesol-main/ma-objectives.html>
4. https://catalog.usfca.edu/preview_program.php?catoid=35&poid=34509